Thư Cho Người Em Tịnh Độ

Thư cho người em Tịnh độ là một bộ luận nhỏ. Gom nhặt những yếu nghĩa của Tông Tịnh độ, chia thành từng bài nhỏ, mỗi bài là một chủ đề, nhằm giải quyết những thắc mắc lo âu của hành giả mới phát tâm tu tịnh nghiệp, để lòng tin được sâu chắc, phát nguyện, thực hành.

Tập luận này tuy lời ít nhưng chứa đựng tất cả ý nghĩa của pháp môn niệm Phật, nếu người xem để tâm suy gẫm kỹ, có thể đi thẳng vào chỗ nhiệm mầu của môn niệm Phật. Đây là cánh sen nhỏ, chân thành kính tặng các bạn sen trong mùa kiết hạ an cư này.

Mùa an cư Nhâm Tuất, 82

***Hồng Nhơn** cẩn bút.*

Thưa anh!

Vừa qua, em có dịp yết kiến một vị Thiền sư lão thành, Ngài hỏi: "Con tu Tịnh độ thuộc dòng nào, vị Tổ của dòng đó là ai? Vì sao vị ấy được suy tôn vào Tổ vị? Em trả lời không biết. Về chùa em cảm thấy hoang mang vô cùng cố tìm đọc nhiều kinh sách nhưng vẫn mịt mờ không rõ. Xin anh vì đứa em sơ cơ này mà ban cho những lời vàng ngọc để cắt hết lưới nghi!

Em thân thương của anh!

Đúng như vị Thiền sư hỏi. Phàm người tu một Pháp môn chúng ta cần biết rõ Dòng của mình tu, vì chỗ chí đạo chỉ có một nhưng phương tiện có nhiều cách, nên cần phải hiểu rõ pháp tu và công hạnh vị Tổ khai sáng dòng đó, để làm gương cho ta tu theo phương pháp mà các ngài đã thành công và thực chứng. Vì thế, em cần đọc kỷ công hạnh của Sơ Tổ Liên Tông, tức khắc câu hỏi trên sẽ được giải đáp...

Sơ Tổ Đại Sư Huệ Viễn (334-417)

I. Tiểu sử:

Đại sư Huệ Viễn họ Cổ, người Nhạn Môn. Lúc thơ ấu, ngài rất hiếu học, đã thông Nho điển lại rất giỏi về học thuyết Lão, Trang. Lúc bấy giờ pháp sư Đạo An lập chùa ở Hằng sơn, vân tập tăng chúng thuyết pháp. Ngài nghe tiếng mến đức, bèn đến Hằng Sơn quy y với pháp sư. Khi nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã, tâm trí ngài mở thông tỏ ngộ diệu lý. Ngài bèn than rằng: "Nào ngờ Phật thừa thâm diệu! Uổng công ta, đeo đuổi theo bã rác Khổng, Mạnh, Lão, Trang từ bấy lâu nay! Rồi ngài xin xuất gia, pháp hiệu Huệ Viễn.

Từ đó trở đi, ngày đêm, Đại sư chuyên tâm đọc tụng, tư duy tu tập. Pháp sư Đạo An thấy ngài chuyên cần tham học nên khen rằng: "Phật Pháp, sẽ được lưu hành ở Trung đông tất do nơi Huệ Viễn này". Năm 24 tuổi ngài giảng kinh rất hay, sau đó, ngài đến Tầm Dương, thấy cảnh núi Lô Sơn rộng rãi tĩnh mịch, phải nơi hành đạo, ngài bèn lập Tịnh Xá ở đó, hiệu Long Tuyền.

Lúc đó, Pháp sư Huệ Vĩnh bạn đồng sư của ngài đã lập chùa Tây lâm ở phía Tây núi Lô Sơn mời ngài về ở Tây Lâm Tự. Được ít lâu học chúng theo ngài quá đông, chùa Tây Lâm không đủ chỗ, ý ngài muốn lập cảnh chùa khác ở phía Đông Lô Sơn. Pháp sư Huệ Vĩnh nói với quan Thứ sử Hoàn Y rằng: "Pháp sư Huệ Viễn về đây hoằng đạo mà chỗ bần đạo thì nhỏ hẹp không thể dung nạp nhiều người, nhờ Thứ sử giúp cho. Quan Thứ sử bằng lòng. Đêm hôm ấy, Đại sư Huệ Viễn trông thấy sơn thần đến xin cúng gỗ. Rồi sau một đêm mưa to gió lớn, cây gỗ chồng chất ngổn ngang. Quan Thứ sử Hoàn Y phát tâm dựng Tòng Lâm cho ngài. Vì sơn thần dâng gỗ và đối với Tây Lâm Tự nên đề hiệu là: "Đồng Lâm Thần Vận Tự".

Khi nơi chốn đã yên, Ngài đốc xuất đại chúng hành đạo, đào ao trồng sen, trên mặt nước thả bông sen gỗ 12 cách, cứ mỗi giờ là nước ngập một cánh, dùng định giờ hành đạo gọi là liên lậu. Lần lần những nhà Đại trí thức mộ đạo ở bốn phương như Giác Hiền, Phật Đà Già Xá, Lưu Di

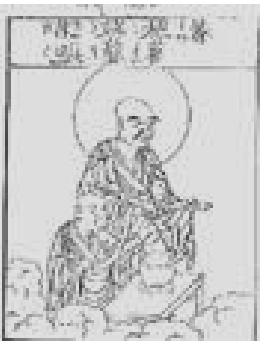

Dân, Vương Kiều Chi v.v... Nghe tiếng ngài nên đến xin dự chúng tu tập, được 123 người. Ngài bảo: "Qúy vị đến chốn này phải chăng là người quyết chí Tịnh độ". Ngài bèn tạo tượng Tam Thánh, lập Liên Xã, bảo ông Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện, khắc vào bia đá. Người dự hội Liên xã đều tinh tấn hành đạo, ngày đêm sáu thời không trễ, lần lược đều chứng tam muội, đều được vãng sanh. Lúc lâm chung đều có thoại ứng.

Ngài đề xướng tu Pháp Ban Chu Tam Muội, Ngài từng có lời phát huy ý nghĩa Tam muội: Gọi Tam muội là chi? Tức là chuyên tư tịch tưởng. Chuyên tư thì tâm trụ nơi nhất. Tưởng tịch thời khí rỗng thần sáng. Khí rỗng thì trí ngộ nơi lý, thần sáng thì không chỗ nào chẳng thấu suốt. Lại nữa, các môn Tam muội rất nhiều, nhưng dễ được mà công cao chỉ có niệm Phật Tam muội là hơn hết. Vì cùng nơi huyền, tột nơi tịch là tôn hiệu Như Lai, thể hiệp, thần kiến không chi sánh bằng. Vì thế, người vào tam muội này, tâm thần vắng bặt quên hết chỗ sở tri. Chính nơi cảnh duyên đó mà thành trí huệ. Trí huệ sáng thời chiếu suốt bên trong mà vạn tượng hiện bày rõ ràng vậy. Chỗ tai mắt không đến được mà vẫn thấy vẫn nghe. Vẫn thấy vẫn nghe mà tâm thần vẫn vắng bặt, vắng bặt mà tự nhiên trong sáng. Do trong sáng nên khi tham cứu bổn tâm, tình trệ liền tan mất.

Ngài thấy ở Giang Đông Kinh Tạng thiếu nhiều, nên sai các đệ tử băng núi vượt rừng, đến Tây Thiên thỉnh kinh, các kinh luật lưu hành từ Lô Sơn đến trăm thứ. Ngài có trước tác bộ "Pháp Tánh Luận" phát minh Chỉ Thú Niết Bàn Thường Trụ. Bộ luận này truyền đến Quang Trung, Pháp sư Cưu Ma La Thập được xem, liền khen: "Ông Viễn ở Biên phương chưa đọc kinh Đại Niết Bàn mà lời luận lại hợp với lý ấy."

Ngài trụ ở Lô Sơn hơn 30 năm mà không bước chân xuống núi lần nào. Ngày như đêm, ngài chuyên để tâm nơi Tịnh độ, lặng lòng quán tưởng. Đã ba phen thấy Phật và Thánh chúng hiện thân mà ngài trầm hậu không nói ra. Năm Nghĩa Hy thứ 12 vào đêm 30 tháng 7, Ngài ngồi nhập định nơi Bát Nhã đài, lúc vừa xuất định mở mắt ra, thấy Đức Phật A Di Đà hiện thân nơi hư không với vô lượng Thánh chúng, trong viên quang có vô số hóa Phật Bồ Tát Quan Thế Âm hầu bên tả, Bồ Tát Đại Thế Chí bên hữu. Phật và Bồ Tát đều ngự trên tòa sen báu sáng đẹp. Mười bốn tia sáng quanh lộn lên xuống như vòi nước, vang lên tiếng diễn nói những pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã và các môn Ba La Mật. Đức Phật bảo ngài rằng: "Vì bổn nguyện lực nên nay ta đến an ủi ông, sau bảy ngày ông sẽ sanh về nước của ta".

Ngài lại thấy những hội hữu của Liên Xã đã tịch trước như Phật Đà Gia Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân v.v... đều đứng phía sau Phật. Các ông ấy bước đến trước chấp tay chào ngài và nói: "Đại sư sớm phát tâm về Tịnh độ, sao lại muộn đến ngày nay?"

Hôm sau, ngài thuật lại với các đệ tử Pháp Tịnh, Huệ Bửu và bảo rằng: "Ta ở Lô Sơn này, trong 11 năm đầu, ba lần thấy Phật và Thánh chúng hiện thân, nay lại thấy Phật thọ ký. Chắc ta sẽ được sanh về Tịnh độ". Rồi ngài tự soạn quy chế để cho đại chúng y theo mà cùng ở cùng tu. Đến ngày mùng 6 tháng 8, ngài cáo biệt đại chúng rồi đoan tọa mà viên tịch thọ 83 tuổi. (*trích Liên Tông Chánh Phạm*)

II. Phương pháp tu chứng

1. Kinh điển y cứ: Như chúng ta đã biết, kinh tạng của Phật khi kết tập được ghi bằng Phạm văn. Đến thời Hán Minh Đế (công nguyên 58) Kinh điển bằng chữ Phạn mới được lần lượt dịch ra Hoa văn. Kinh điển Tịnh Độ được dịch đầu tiên là kinh Ban Chu Tam Muội, vào thời vua Linh Đế nhà Tấn, niên hiệu Quang Hòa năm thứ hai (Tây lịch 197) do Đạt Ma Cấp Đa dịch gồm 5 quyển, 17 phẩm. Trong kinh không chỉ rõ cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà, nhưng hành giả y theo Tam muội này mà hành trì sẽ thấy Đức Phật A Di Đà ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Nghi thức quán tưởng kinh này phù hợp với Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Nhưng kinh Quán Vô Lượng Thọ mãi đến đời Lưu Tống (Tây lịch 424) mới được phiên dịch ra chữ Hán. Như thế, Kinh điển Tịnh độ trong thời Đại sư Huệ Viễn dùng để y cứ, chỉ có một bộ duy nhất đó là Kinh Ban Chu Tam Muội. Muốn biết công hạnh tu tập của Ngài, chúng ta cần phải biết rõ phương pháp tu trong kinh này.

Kinh Ban Chu Tam Muội (Pratyutpannasamàdhi Sùtram) là tiếng Phạn, Trung hoa dịch là Phật Lập (Phật đứng). Người tu môn Tam muội này chỉ đứng và đi nhất tâm quán Phật chứ không ngồi, kỳ hạn là 90 ngày. Chúng ta hãy xem đức Phật chỉ Ngài Hiền Hộ trong Phẩm Thực Hành Tam Muội: "Đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ: Này Hiền Hộ! Nếu Đại Bồ Tát nào hoàn mãn được bốn pháp sẽ được Tam muội hiện tiền này: 1- Tín tâm không hư hoại, 2- Không phá vỡ sự tinh tấn, 3- Trí huệ siêu việt, 4- gần gủi thiện trí thức.

Này Hiền Hộ! Có bốn pháp khác, Bồ Tát nào hoàn mãn cũng thành tựu Tam muội hiện tiền: 1- Không có tư tưởng chúng sanh dù trong khoảnh khắc. 2- Thức trọn 3 tháng không ngủ dù là tạm thời đôi chút. 3- Kinh hành trọn 3 tháng trừ khi tiểu tiện. 4- Lúc ăn bố thí đúng pháp, không mong danh lợi, không trả ân. Bốn pháp này Bồ Tát nào hoàn mãn sẽ được Tam muội hiện tiền.

Này Hiền Hộ! Lại có 4 Pháp nữa Bồ Tát nào thực hành hoàn toàn sẽ được thành tựu Tam muội hiện tiền: 1- Khuyên người nhìn ngắm Phật. 2- Dạy kẻ khác nên nghe Pháp. 3- Tâm không ganh tỵ. 4- Khuyên người phát tâm Bồ đề.

Này Hiền Hộ! Lại có 4 Pháp, Bồ Tát cần phải tu tập để thành tựu Tam muội hiện tiền: 1- Tạo hình tượng Phật, khuyên người thực hành hạnh cúng dường. 2- In chép kinh điển truyền bá cho người đọc tụng. 3- Giáo hóa kẻ khinh khi chánh pháp làm họ phát tâm tin nhận. 4- Gìn giữ chánh pháp luôn được tồn tại.

Khi đó đức Thế Tôn nói kệ để tóm lại nghĩa trên:

Các ông nên trụ trong Phật pháp,
Thường tin vững chắc chớ thối chuyển,
Tinh tấn siêng niệm trừ mê ngủ,
Ba tháng không ngồi chỉ kinh hành.

Lúc ăn lại thí cho kẻ khác,
Giảng nói Pháp vô tỷ của Phật,
Không cầu danh tiếng và lợi dưỡng,
Nhờ không đắm trước nên chứng thiền.

Các Phật khi xưa và tương lai,
Hiện tại siêu việt trong loài người,
Các ông nhất tâm cung kính lên,
Và nên siêng năng cầu cúng dường.

Các ông cúng dường các Phật đó,
Nên dùng hoa, hương đốt, hương bột.
Dâng hiến thức ngon khởi tịnh tâm,
Chứng Tam muội này sẽ không khó.

Trước tháp chư Phật trổi âm nhạc,
Loa, trống, chiêng, bảng các tiếng hay,
Lòng lại vui mừng khôn tả xiết,
Chắc chắn thành tựu Tam muội này.

Khuyên tạo tượng Phật thân vô tỷ
Tô điểm màu đẹp đủ tướng tốt,
Sắc vàng sáng chói không bợn nhơ,
Chứng Tam Muội này sẽ không khó.

Liên tục thường niệm, tu pháp thí,
Giữ giới trong sạch và học rộng,
Siêng năng tinh chuyên trừ biếng lười,
Đắc Tam muội này chẳng bao lâu.

Không mang tâm độc đối kẻ ác,
Cũng bỏ dục vọng theo thế gian,
Luôn vận từ bi nhớ tất cả,
Tam muội nào xa tại nhẫn tiền.

Đối với pháp sư thường vui vẻ.
Tôn kính ngang hàng đức Như Lai,
Đừng sanh khinh chê cùng keo kiết.
Tâm vui cúng dường bỏ ganh tị.

Vô lượng chư Phật cùng ca ngợi.
Người thường siêng tu tự sẽ được,
Thế Tôn trịnh trọng nói pháp này,
Cho kẻ đã tu pháp Tam muội.

Qua lời dạy của Đức Phật trong phẩm thực hành Tam muội, chúng ta thấy Đại sư đã thực hành trọn vẹn. Căn cứ vào các bài kệ Phật tóm lược chúng ta thấy Đại sư dùng liên lậu hành đạo, kinh hành và ít ngủ. Suốt 30 năm không xuống núi là không cầu lợi dưỡng. Tạo tượng Phật A Di Đà để cúng dường, lưu hành các kinh luật hằng trăm thứ là tu pháp thí. Viết sách để lại đời sau là vì lòng từ bi. Cung thỉnh các Pháp sư dịch kinh về cúng dường là quý trọng thiện tri thức, không có lòng ganh tỵ. Có thể nói cuộc đời của Ngài là biểu tượng chính yếu cho việc thực hành Ban Chu Tam Muội.

2. Kết quả của phương pháp tu

Hành giả thực hành trọn vẹn Tam muội này sẽ có kết quả là thấy Phật hiện ra trước mắt mình gọi là "Chư Phật hiện tiền Tam muội". Để hiểu rõ Đại sư Huệ Viễn có chứng được hành Ban Chu Tam Muội hay không, chúng ta lần đọc kỷ phẩm "Thấy Phật" dưới đây:

"Đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Hiền Hộ: Này Hiền Hộ! Thí như khoảng hư không trong sáng không có một áng mây, kẻ có mắt sáng vào đêm tối nhìn lên sẽ thấy vô lượng vì sao, vị trí, phương hướng hình thể các ngôi sao đều khác biệt. Cũng giống như thế, Đại Bồ Tát tư duy, quan sát pháp tánh như hư không, do tưởng nên thành tựu, được thấy các Đức Như Lai. Bồ Tát lúc quán phương Đông thấy trăm ngàn ức Na Do Tha Phật, không cần tác ý, tự nhiên hiển hiện trước mắt. Kế quán phương Nam, Tây, Bắc các phương trên dưới, các thế giới ở các phương đều thấy trăm ngàn ức Na Do Tha Phật, không cần tác ý, tự nhiên hiển hiện trước mắt.

Lại nữa! Này Hiền Hộ! Như thế giới của Đức Phật A Di Đà mà các Bồ Tát được vãng sanh về, vào ngày đầu các vị quán phương Đông thấy nhiều Phật, ngày kế quán phương Nam lần lượt quán hết cả mười phương như thế. Nếu Bồ tát thành tự Tam muội Niệm chư Phật hiện tiền này, ở ngay thế giới mình quán sát 10 phương được thấy nhiều đức Phật cho đến thấy trăm ngàn ức Na Do Tha Phật.

Lại này Hiền Hộ! Như các Đức Như Lai thành tựu Phật nhãn vừa thấy tất cả nơi đều nhận biết rõ. Bồ tát thành tựu môn Tam muội chư Phật hiện tiền rồi, tự nhiên hoàn mãn các hạnh Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ Ba La Mật. Khi đó, đức Thế Tôn muốn sáng tỏ ý nghĩa trên nên nói bài kệ:

Dường như trong đem sạch mây mờ,
Kẻ có mắt sáng nhìn khoảng không,
Thấy các ánh sao quá trăm ngàn,
Đến ngày còn nhớ không quên mất.

Bồ tát đắc định hiện tiền rồi,
Thấy nhiều vô lượng ngàn ức Phật,
Lại xuất khởi từ Tam muội này,
Để vì đại chúng giảng diệu pháp.

Như Phật nhãn ta được thanh tịnh,
Thấy cả thế gian không chướng ngại,

Phật tử có mắt Bồ tát này,
Nhờ định có cái nhìn siêu việt.

Do tưởng vô tướng nhớ Như Lai,
Mà thấy mười phương các đức Phật,
Phá trừ phiền não các vọng tưởng,
Ông nghe công đức Bồ tát này.

Nếu nghe pháp đây tâm mát mẻ,
Thể nhập không tịch lòng không sợ,
Như ta hiện giờ giảng nói pháp,
Và làm chúng sanh chứng Bồ đề.

Như thế các Bồ tát an lạc,
Thấy nhiều vô lượng Phật, Thế Tôn.
Bồ tát như vậy vào tư duy,
Cũng thấy trăm ngàn đức điều ngự.

Tỳ kheo nghe nhiều có A Nan,
Vừa nghe ta dạy đều hiểu được,
Bồ tát đã được Tam muội rồi,
Nghe tất cả pháp ghi nhớ hết.

Thành tựu tín, Tam muội viên mãn,
Xã bỏ tất cả lời thế gian,
Thường dùng lòng từ dạy dỗ người,
Cần phải đi đến nơi tịch tịnh".

Đại sư Huệ Viễn thuật lại với đệ tử Pháp Tịnh, Huệ Bửu rằng: "Ta ở Lô Sơn, trong 11 năm đầu, ba lần thấy Phật và Thánh chúng hiện thân, nay lại thấy Phật thọ ký, chắc ta sẽ sanh về Tịnh độ". Điều đó căn cứ vào phẩm "Thấy Phật" ta biết được Ngài đã thành tựu Pháp Ban Chu Tam Muội từ những năm đầu khi ở Lô Sơn.

III. Những tác phẩm còn lưu lại

Đại sư Huệ Viễn trước tác rất nhiều. Trong Lương Cao Tăng truyện quyển thứ sáu có nói: Đại sư Huệ Viễn viết luận, tựa, Minh, tán, thi thơ hơn 50 thiên, tập thành 10 quyển gọi là Lô Sơn tập. Trong Lương Đại Tam Bảo Kỷ quyển thứ bảy và Đại Đường Nội Điển Lục quyển thứ ba có ghi: Đại sư Huệ Viễn có Đại Trí Độ Luận Yếu Lược 20 quyển, Đại Thừa Đại Nghĩa Chương 3 quyển, gồm có 14 bộ, 35 quyển. Trong Hoằng Minh tập, Tam Tạng Ký tập và Quảng Hoằng Minh tập còn ghi: Sa môn Bất Kỉnh Vương Giả Luận, Pháp Tánh Luận, Sa môn Đản Phục Luận, Minh Báo Ứng Luận và Tam Bảo Luận. Ngoài ra những lời pháp ngữ khai thị tu hành được chép lại còn lưu lại trong đời. Đồng thời, Đại sư cũng sai nhiều đệ tử sang Thiên Trúc thỉnh Phạn Bổn về Lô Sơn để phiên dịch và lưu hành có hơn trăm thứ. Công nghiệp lưu truyền kinh điển ở Lô Sơn đã từng vang bóng một thời và cũng đã thu hút được nhiều văn nhân nhã sĩ.

IV. Trọn đời hoằng dương Tịnh độ

Đại sư Huệ Viễn trọn 30 năm ở Lô Sơn, chân không bước ra khỏi núi, ngài khước từ mọi sự liên lạc không cần thiết với đời, hằng ngày 6 thời chuyên nhớ tưởng Phật, nguyện giải quyết sanh tử ngay trong đời này. Khi có khách đến viếng, lúc ra về, Đại sư chỉ tiễn chân đến đầu suối Hổ Khê trước chùa rồi trở lại.

Bạch Liên Xã do Đại sư thành lập quy tụ hơn 3000 người, trong đó có 123 người được tôn là Hiền, trong 123 vị Hiền này lại có 18 vị thượng thủ gọi là Đông Lâm Thập Bát Đại Hiền. Tuy ngài chuyên tu Thiền quàn được Niệm Phật Tam muội, nhưng đối với hàng cư sĩ ngài dạy tu sáu thời tu lễ Tịnh độ hồi hướng Tây phương. Nên trong đường thi có câu: *Viễn công riêng khắc liên hoa lậu,*
Hướng mặt về Tây lễ sáu thời.

Phàm người tu pháp này được chia làm ba giai đoạn gọi là ba bước. Bước thứ nhất nhiều tưởng niệm mỗi ngày niệm tưởng thực nhiều dù là tán niệm. Bước hai là kiểm soát niệm, quán niệm có kiểm soát từng giờ, nếu tán niệm nhiều phải cố gắng để nhiều định niệm. Bước ba phàm người tu bước này phải ở trong tịnh thất, an trí tượng Phật, hương hoa, đèn đuốc, tùy phận cúng dường, tắm rửa sạch sẽ, mặc áo thanh tịnh. Vào đạo tràng, mỗi ngày bắt đầu giờ Thìn Ngọ Thân ban ngày và Tuất Tý Dần ban đêm, tự mình đối trước Tam Bảo mắt nhìn ảnh Phật, miệng xưng Nam Mô A Di Đà Phật, cuối thời đều có phát nguyện hồi hướng sanh Tây phương. Ngày đêm sáu thời tinh chuyên không mỏi mệt dốc chí tu trì, kiên cố hạnh nguyện, tịnh nghiệp viên thành, chắc được vãng sanh.

V. Vãng sanh thượng phẩm

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói rõ về ba bậc vãng sanh: "Người vãng sanh bậc Hạ khi lâm chung mộng thấy Phật Vô Lượng Thọ cũng được vãng sanh, khi vãng sanh rồi thì công đức trí huệ giống như người bậc Trung. Người vãng sanh bậc Trung, khi lâm chung thấy Hóa thân Phật Vô Lượng Thọ, tướng hảo sáng chói giống như Chơn Phật, cùng chư đại chúng hiện trước mặt người đó, người ấy liền theo hóa Phật vãng sanh về thế giới Cực lạc, trụ vị bất thối chuyển, công đức trí huệ giống như bậc Thượng. Người vãng sanh bậc Thượng, khi lâm chung, Chơn Phật Vô Lượng Thọ và chư đại chúng thật, hiện trước người ấy, người đó liền theo Phật vãng sanh về Cực Lạc, vào trong hoa sen bảy báu tự nhiên hóa sanh, ở vị bất thối, trí tuệ mạnh mẽ, thần thông tự tại."

Sự thấy Phật sở dĩ có ba bậc khác nhau là do nghiệp thức của chúng sanh mà thấy được Pháp thân, hóa thân hay ứng thân Phật. Căn cứ vào lời kinh dạy ở trên, ta thấy Đại sư Huệ Viễn đã thấy Chân Phật hiện ra và chư thánh chúng thật hiện ra, ngay trong lúc thức và được dạy nói rõ ràng, cho đến các thượng thiện nhơn bạn hữu cũng hiện ra chào hỏi rõ ràng. Việc thấy Chơn thật là thấy Pháp thân Phật, hành giả nghiệp thức đã sạch, chắc chắn được sanh về Thượng Phẩm.

Qua những điều chứng minh trên, cho chúng ta thấy Đại sư Huệ Viễn công hạnh đã trở thành bất hủ, xứng đáng

được suy tôn vào Tổ vị.

Em thân thương của anh!

Qua công hạnh Tổ Huệ Viễn mà em vừa đọc, chúng ta thấy ngài thuộc Dòng Quán Tưởng Niệm Phật, vì kinh điển ngày y cứ là Kinh Ban Chu Tam Muội và Quán Kinh. Ngài được suy tôn vào Tổ vị vì công hạnh ngài có điểm "bất hủ" Lập đức ngài chứng quả môn Quán tưởng, Lập ngôn là trọn đời hoằng dương, có nhiều tác phẩm có giá trị, Lập danh là lâm chung có thụy ứng vãng sanh bậc Thượng. Có đủ ba điểm chính yếu kể trên mới được toàn thể suy tôn. Đó là điểm quan trọng mà ta cần học trong Sử Chư Tổ. Chúc em Bồ Đề Tâm tăng trưởng, Phước Huệ sớm viên thành.

Khóc em

Ôi! Thôi em đã đi rồi!
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta!

*

Mới ngày nào âm vang còn đó,
Mà giờ đây vĩnh biệt thiền quan.
Cuộc đời vô định lang thang,
Luân hồi sáu nẻo, ngỡ ngàng từ đây!

Tại vì đâu ra đi vội vã?
Có phải chăng biển cả hóa cồn dâu?
Mười năm dấu ấn dài lâu,
Đành tâm bỏ lại dãi dầu lìa xa!

Có phải chăng mộng đời tan rã?
Nguyện truyền đăng còn là ước mơ thôi!
Ngày qua tuổi trẻ qua rồi,
Nhìn trang sách cũ ngậm ngùi với thân.

Có phải chăng tình người cay đắng?
Gian trá lọc lừa bạc trắng như vôi,
Phải đành sống kiếp đơn côi!
Ra đi dù biết cuộc đời long đong.

Có phải chăng muốn tìm lẽ sống?
Hay hơn vì đã lỡ đưa chân,
Nghĩ thân mà thẹn cho thân
Quyết vùi với nẻo phong trần từ đây.

*

Thôi em ạ! từ nay vĩnh biệt,
Một mình em trong kiếp gió sương,
Em đi bao nỗi vấn vương!
Người còn ở lại nhớ thương ngập lòng!

Thế Ngoại

MỪNG NGÀY PHẬT ĐẢN, NGHĨ LẠI THÂN TA

Ngài đã đến từ cung trời Đâu-suất,
Ánh trăng rằm sáng rực rọi chân đi.
Muôn lời ca vang dậy Lâm-tỳ-ni,
Hoa Vô-ưu đến kỳ vui mở hội,

Thành Tỳ-la người người đều hồ-hởi,
Khắp non sông phấn khởi đón mừng Ngài.
Chim trên cành ca hát rất êm tai,
Lú sâu bọ các loài vui hớn hở.

Ngài ra đời nơi hoàng cung rực rỡ,
Muôn thần dân quỳ ở dưới chân Ngài.
Và rồi đây Ngài sẽ được lên ngôi,
Bên quý tử, vợ hoa khôi hiền thục.

Nhưng Ngài thấy cuộc đời không hạnh phúc,
Kiếp con người khổ nhục quá lầm than.
Rồi đêm kia Ngài từ bỏ ngai vàng,
Quyết đi tu tìm đàng lên bờ giác.

Bốn mươi chín ngày tham thiền thành Phật,
Rồi Ngài đi thuyết pháp độ chúng sanh.
Ba cõi đã vang dậy tiếng hoan nghênh,
Và bốn loài hữu tình đều mộ đạo.

Ta cũng đến từ vô minh phiền não,
Giữa đêm buồn giông bão chẳng trăng sao.
Tiếng khóc thê lương mở mắt chào đời,
Như báo trước chuỗi ngày dài đau khổ.

Ta đến đây làm kiếp người trả nợ,
Mất tự do nghiệp khổ cứ buộc ràng.
Suốt đêm ngày theo ngũ dục thế gian,
Như lũ trẻ lang thang trong nhà lửa.

Mạng sống ta ngắn chỉ bằng hơi thở,
Hồn ta đi qua sáu nẻo luân hồi.
Kiếp con người quá nhỏ bé đơn côi,
Như hạt bụi rong chơi trong vũ trụ.

Lòng tham lam không bao giờ biết đủ,
Lửa sân si ấp ủ đốt duyên lành.
Sống cõi này ta cứ mãi cạnh tranh,
Luôn làm kiếp chúng sanh già bịnh chết.

Dòng sinh diệt trôi lăn không giờ hết,
Kiếp vô thường như ánh chớp qua thôi.
Nơi chốn xưa giờ ta đã quên rồi,
Cố tìm lại chỉ thấy trời mây trắng.

Văn Thân